

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đồng Nai - Tháng 3 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5-6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8-9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-23

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Công ty Gạch men Thanh Thanh (Doanh nghiệp Nhà nước), đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và thay đổi lần thứ năm ngày 19/8/2008 về việc thay đổi Vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Mỹ Linh	Chủ tịch
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Ông Vũ Tam Đạo	Thành viên
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Chương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ các sự kiện đã nêu trong Thuyết minh số 6.1, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,

Phan Thị Mỹ Linh
Chủ tịch

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Số. /2009/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các Thuyết minh số 5.4 và 5.5 về việc điều chỉnh mức trích khấu hao của năm 2008 và việc trình bày Lợi thế thương mại như một tài sản cố định vô hình.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)

Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 (VND)	01/01/2008 (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.729.200.425	92.761.824.878
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.198.698.813	4.835.430.009
1. Tiền	111	5.1	1.198.698.813	4.835.430.009
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		157.840.000	3.755.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	741.000.000	3.755.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.2	(583.160.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.241.820.734	27.571.710.257
1. Phải thu khách hàng	131		17.336.866.172	25.163.057.797
2. Trả trước cho người bán	132		361.049.954	1.970.258.352
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	4.080.169.608	438.394.108
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(536.265.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		86.850.131.284	56.237.895.647
1. Hàng tồn kho	141	5.4	87.473.694.933	56.774.160.647
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(623.563.649)	(536.265.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		280.709.594	361.788.965
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		194.932.270	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	248.921.768
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	75.932.997
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		85.777.324	36.934.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.291.967.231	90.742.384.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		76.341.967.231	88.731.475.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	71.167.934.131	84.727.189.236
<i>Nguyên giá</i>	222		229.598.748.000	228.774.342.300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(158.430.813.869)	(144.047.153.064)
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.945.352.194	3.366.116.794
<i>Nguyên giá</i>	228	5.6	4.207.646.000	4.207.646.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.262.293.806)	(841.529.206)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	2.228.680.906	638.169.017
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.950.000.000	1.920.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	2.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	1.920.000.000	1.920.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	3.030.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	90.909.092
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	90.909.092
TỔNG TÀI SẢN	270		193.021.167.656	183.504.209.017

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	31/12/2008	01/01/2008
	số	minh	(VND)	(VND)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		121.406.136.392	133.753.531.670
I. Nợ ngắn hạn	310		116.040.424.799	128.358.397.532
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	55.914.434.315	58.950.708.017
2. Phải trả người bán	312		49.176.219.456	56.282.939.257
3. Người mua trả tiền trước	313		150.597.143	640.029.237
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	214.691.876	2.018.258
5. Phải trả người lao động	315		2.070.603.075	3.961.895.622
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	8.513.878.934	8.520.807.141
II. Nợ dài hạn	330		5.365.711.593	5.395.134.138
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	5.330.558.281	5.330.558.281
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		35.153.312	64.575.857
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.615.031.264	49.750.677.347
I. Vốn chủ sở hữu	410		70.936.031.896	48.575.729.979
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15	59.923.480.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.15	313.744.700	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.15	424.272.909	424.272.909
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.15	(652.100.000)	(161.940.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.15	3.915.301.464	3.915.301.464
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.15	1.078.865.606	1.078.865.606
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.15	100.000.000	100.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15	5.832.467.217	3.219.230.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		678.999.368	1.174.947.368
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		678.999.368	1.174.947.368
TỔNG NGUỒN VỐN	430		193.021.167.656	183.504.209.017

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Châu Thị Diệu Phương

Trần Hưng Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02 -DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Năm 2008	Năm 2007
	số	minh	(VND)	(VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	284.465.882.064	326.940.933.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.419.895.015	2.075.811.548
3. vụ	10		283.045.987.049	324.865.121.719
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	255.852.697.714	293.309.344.100
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.193.289.335	31.555.777.619
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	922.276.221	238.773.376
7. Chi phí tài chính	22	5.18	8.141.060.087	8.315.917.937
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.390.847.609	8.245.196.637
8. Chi phí bán hàng	24		7.680.334.400	9.210.746.862
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.897.213.383	6.163.847.650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.396.957.686	8.104.038.546
11. Thu nhập khác	31	5.19	1.689.053.389	1.325.433.291
12. Chi phí khác	32	5.19	202.097.167	182.538.182
13. Lợi nhuận khác	40		1.486.956.222	1.142.895.109
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.883.913.908	9.246.933.655
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.20	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.883.913.908	9.246.933.655
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.419	2.312

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Châu Thị Diệu Phương

Trần Hưng Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03 -DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008 (VND)	Năm 2007 (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.883.913.908	9.246.933.655
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.379.517.491	17.393.528.530
Các khoản dự phòng	03	1.177.301.104	(821.313.169)
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(697.761.011)	(6.163.847.650)
Chi phí lãi vay	06	7.390.847.609	8.245.196.637
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	31.133.819.101	27.900.498.003
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	6.069.636.164	2.222.655.755
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(30.699.534.286)	11.770.294.262
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(9.281.699.031)	3.079.684.384
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(104.023.178)	90.909.092
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.390.847.609)	(8.245.196.637)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(802.770.690)	(249.593.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.075.419.529)	36.569.251.259
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.157.312.179)	(2.444.819.920)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	333.580.952	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.030.000.000)	(3.755.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.014.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27	531.482.562	6.163.847.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.308.248.665)	(35.972.270)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	20.237.224.700	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(490.160.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	180.231.979.050	238.928.624.557
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	#####	#####
6. Cô tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.963.854.000)	(5.980.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.746.936.998	(35.234.346.334)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.636.731.196)	1.298.932.655
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.835.430.009	3.536.497.354
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.198.698.813	4.835.430.009

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Châu Thị Diệu Phương

Trần Hưng Lương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Công ty Gạch men Thanh Thanh (Doanh nghiệp Nhà nước), đơn vị thành viên của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và thay đổi lần thứ năm ngày 19/8/2008.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THANH THANH JOINT - STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TTC

Trụ sở chính Công ty tại Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 là 59.923.480.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và các Đăng ký thay đổi lần 1,2,3 và lần 4, và lần 5 ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng; mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng; xây lắp công nghiệp; khai thác và chế biến khoáng sản; kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch; tư vấn, chuyên giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng./

Trong năm 2008, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ốp, lát.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2008.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm 2007)</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm 2008)</u>
	(Số năm)	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30	10 - 30
Máy móc, thiết bị	8	10
Phương tiện vận tải	07 - 08	07 - 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	03 - 06

Cuối năm 2008, do thị trường biến động, sức mua sụt giảm dẫn tới sản lượng sản xuất giảm so với năm trước. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh mức khấu hao giảm so với năm trước là 2.385.926.439 đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan, phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng quản trị (hoặc đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá Đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo quy định tại Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan khác, Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15%, được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 2 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm tiếp theo Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp được thay thế bằng Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2007. Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ, các điều kiện ưu đãi, thuế suất và mức ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định cũ vẫn được áp dụng cho thời gian ưu đãi còn lại của Công ty, nhau.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	820.208.014	833.140.712
Tiền gửi Ngân hàng	378.490.799	4.002.289.297
Tổng	1.198.698.813	4.835.430.009

5.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Cổ phiếu Công ty CP Sản xuất VLXD Cosevco	-	3.030.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Cơ điện lạnh	272.000.000	272.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	266.000.000	266.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Đá Hoá An	203.000.000	187.000.000
Tổng	741.000.000	3.755.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(583.160.000)	-
Đầu tư ngắn hạn thuần	157.840.000	3.755.000.000

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2008 chủ yếu là khoản phải thu Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Linh Vũ Trần liên quan đến dự án Bentonite và một số khoản phải thu khác của các cá nhân.

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Nguyên liệu, vật liệu	30.001.066.307	28.481.168.016
Công cụ, dụng cụ	2.093.051.864	1.966.148.571
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	473.340.000	-
Thành phẩm	54.612.540.156	26.326.844.060
Hàng hóa	293.696.606	-
Tổng	87.473.694.933	56.774.160.647
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(623.563.649)	(536.265.000)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	86.850.131.284	56.237.895.647

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2008	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	23.074.410.496	#####	#####	286.237.652	228.774.342.300
Tăng trong năm	613.090.290	953.710.000	-	-	1.566.800.290
Mua trong năm	-	797.723.837	-	-	797.723.837
Tăng từ XDCB	613.090.290	155.986.163	-	-	769.076.453
Giảm trong năm	-	-	742.394.590	-	742.394.590
Tại ngày 31/12	23.687.500.786	#####	#####	286.237.652	229.598.748.000
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	12.509.830.756	#####	#####	263.485.371	144.047.153.064
Tăng trong năm	1.117.168.047	13.403.482.684	415.349.879	22.752.281	14.958.752.891
Do trích khấu hao	1.117.168.047	13.403.482.684	415.349.879	22.752.281	14.958.752.891
Giảm trong năm	-	-	575.092.087	-	575.092.087
Tại ngày 31/12	13.626.998.803	#####	#####	286.237.652	158.430.813.869
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	10.564.579.740	72.463.006.648	#####	22.752.281	84.727.189.236
Tại ngày 31/12	10.060.501.983	60.013.233.964	#####	-	71.167.934.131

Trong năm 2008, do biến động giảm sản lượng sản xuất so với năm trước nên Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm mức trích khấu hao so với năm trước là 2.385.926.439 đồng.

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hoá Công ty Gạch men Thanh Thanh. Giá trị lợi thế thương mại đã được hạch toán là tài sản cố định vô hình và trích khấu hao với tỷ lệ 5%/năm trong các năm từ 2004 đến 2007. Năm 2008, Công ty thực hiện trích khấu hao theo tỷ lệ 10%/năm dẫn tới số khấu hao trích trong năm nay cao gấp đôi so với số đã trích trong năm trước. Số đã trích trong năm 2008 là 420.764.600, số đã trích trong năm 2007 là 210.382.000 đồng.

5.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Năm 2008 (VND)	Năm 2007 (VND)
Tại ngày 01 tháng 01	638.169.017	-
Phát sinh trong năm	2.359.588.342	2.071.878.841
Tăng tài sản cố định	769.076.453	1.433.709.824
Tổng	2.228.680.906	638.169.017

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Khoản đầu tư vào Công ty con thể hiện khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vật liệu xây dựng Thanh Thanh với vốn điều lệ là: 6 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh của Công ty Thương mại Vật liệu xây dựng Thanh Thanh là mua bán vật liệu xây dựng, khai thác chế biến khoáng sản, xây dựng công trình dân dụng ...

5.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số liệu trên khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì số 1 với số tiền 1.920.000.000 đồng. Tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì số 1 là 8.000.000.000 đồng, khoản đầu tư của Công ty tương đương với 24% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bao bì số 1 có trụ sở và nhà xưởng tại tỉnh Bình Dương, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất bao bì.

5.10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Cosevco, giá trị đầu tư tương đương 11% vốn điều lệ.

5.11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Vay ngắn hạn	55.914.434.315	58.950.708.017
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai	55.914.434.315	58.950.708.017
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	55.914.434.315	58.950.708.017

Các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai được thực hiện theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức có mức dư nợ tối đa là 75.000.000.000 đồng đối với các khoản vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ (USD), thời hạn vay cho từng khế ước nhận nợ từ 5 đến 6 tháng. Lãi suất vay 0,95%/tháng đến 0,97%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Dây chuyền sản xuất gạch của Công ty.

5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng	213.169.476	-
Thuế khác	1.522.400	2.018.258
Tổng	214.691.876	2.018.258

5.13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	37.369.986	130.384.567
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	448.117.460	461.760.186
Nhận ký quỹ	6.190.000.000	5.950.000.000
Phải trả khác	1.838.391.488	1.978.662.388
Tổng	8.513.878.934	8.520.807.141

Số dư các khoản nhận ký quỹ là tiền nhận ký quỹ của các đại lý bán hàng cho Công ty.

5.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Số dư vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1. Khoản vay này không có tài sản thế chấp, có thời hạn trả nợ đến năm 2011, lãi suất 0,2%/năm. Mục đích vay để đầu tư dây chuyền thiết bị nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	20.400.000.000	20.400.000.000
Các cổ đông khác	39.523.480.000	19.600.000.000
Tổng	59.923.480.000	40.000.000.000

Cổ phiếu:

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.992.348	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	-	-
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.992.348	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	51.820	12.800
- <i>Cổ phiếu thường</i>	51.820	12.800
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	3.987.200
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.940.528	3.987.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000/ cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2007	40.000.000.000	-	(161.940.000)	2.468.367.809	754.888.796	2.800.000.000	45.861.316.605
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	9.246.933.655	9.246.933.655
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.446.933.655	460.000.000	(2.846.933.655)	(940.000.000)
Xử lý tài sản thiếu	-	-	-	-	(136.023.190)	-	(136.023.190)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.980.770.000)	(5.980.770.000)
Tại ngày 31/12/2007	40.000.000.000	-	(161.940.000)	3.915.301.464	1.078.865.606	3.219.230.000	48.051.457.070
Tại ngày 01/01/2008	40.000.000.000	-	(161.940.000)	3.915.301.464	1.078.865.606	3.219.230.000	48.051.457.070
Tăng vốn trong năm	19.923.480.000	313.744.700	-	-	-	-	20.237.224.700
Mua lại cổ phiếu	-	-	(490.160.000)	-	-	-	(490.160.000)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	7.883.913.908	7.883.913.908
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.963.854.000)	(4.963.854.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(306.822.691)	(306.822.691)
Tại ngày 31/12/2008	59.923.480.000	313.744.700	(652.100.000)	3.915.301.464	1.078.865.606	5.832.467.217	70.411.758.987

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 DOANH THU

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán thành phẩm	284.465.882.064	326.940.933.267
Doanh thu khác	-	-
Tổng	<u>284.465.882.064</u>	<u>326.940.933.267</u>
Các khoản giảm trừ	1.419.895.015	2.075.811.548
Doanh thu thuần	<u>283.045.987.049</u>	<u>324.865.121.719</u>

5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Giá vốn thành phẩm	255.852.697.714	293.309.344.100
Giá vốn khác	-	-
Tổng	<u>255.852.697.714</u>	<u>293.309.344.100</u>

5.18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	366.882.562	85.173.376
Khác	-	153.600.000
Chênh lệch tỷ giá	390.793.659	-
Cổ tức được chia	164.600.000	-
Tổng	922.276.221	238.773.376
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	7.390.847.609	8.245.196.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá	167.052.478	70.721.300
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	583.160.000	-
Tổng	8.141.060.087	8.315.917.937
Thu nhập tài chính - thuần	<u>(7.218.783.866)</u>	<u>(8.077.144.561)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.19 THU NHẬP KHÁC - CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	333.580.952	-
Nhượng bán vật tư	107.555.350	156.035.688
Các khoản khác	1.247.917.087	1.169.397.603
Tổng	1.689.053.389	1.325.433.291
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	167.302.503	-
Giá vốn vật tư nhượng bán	34.794.664	151.254.182
Các chi phí khác	-	31.284.000
Tổng	202.097.167	182.538.182
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.486.956.222	1.142.895.109

5.20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.883.913.908	9.246.933.655
Các khoản điều chỉnh	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.883.913.908	9.246.933.655
Thuế suất áp dụng	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.182.587.086	1.387.040.048
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(1.182.587.086)	(1.387.040.048)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.883.913.908	9.246.933.655
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.883.913.908	9.246.933.655
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.554.373	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.419	2.312

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	230.809.113.405	227.396.887.961
Chi phí nhân công	16.352.707.115	20.825.796.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.372.505.056	17.332.941.205
Chi phí động lực	15.898.942.105	18.533.540.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.213.123.091	3.897.737.007
Chi phí khác	2.723.008.081	7.071.321.493
Tổng	<u>285.369.398.853</u>	<u>295.058.225.136</u>

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2008	Năm 2007
	(VND)	(VND)
Các giao dịch bán		
Công ty Cơ khí Tân Định	37.581.960	662.159.738
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	7.532.178.969	-
Công ty Địa ốc Fico	56.054.940	-
Công ty HAVALI FICO	58.340.385	-
Các giao dịch mua		
Công ty Cơ khí Tân Định	-	3.840.114.358
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	419.668.980	-
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	2.852.210.140	-
Chi phí lãi vay		
Chi phí lãi vay cho các khoản vay Tổng Công ty VLXD số 1	-	277.115.865

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2008	01/01/2008
	(VND)	(VND)
Các khoản phải trả tiền vay		
Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1	5.330.558.281	5.330.558.281

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các khoản khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2008: 491.410.000 đồng.

6.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Châu Thị Diệu Phương

Trần Hưng Lương